

Bản án số: **160/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/7/2026

V/v TC Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Luyến.

2. Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2026, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2026 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

CCCD số 09418500XXXX

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Châu Thanh L**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

CCCD số: 09407301XXXX

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Vào năm 2007, bà và ông L có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ). Ông bà chung sống với nhau có 02 con chung tên: Châu Thiên A1, sinh ngày 20/5/2021 (giới tính Nữ) hiện đang sống cùng ông bà và Châu Gia H,

sinh ngày 22/12/2007 (giới tính Nữ) hiện đã đủ tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng biệt. Thời gian đầu, bà và ông L chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng cuối năm 2025, bà và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm. Bà và ông L hiện tại vẫn chưa ly thân. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Châu Thanh L.

- Về con chung: Đối với con chung tên Châu Thiên A1, sinh ngày 20/5/2021 (giới tính Nữ) sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Châu Gia H, sinh ngày 22/12/2007 (giới tính Nữ) hiện đã đủ tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng biệt nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Châu Thanh L: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông L không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Châu Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà A và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử

thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Ông L không tham gia tổ tụng nên chưa có thiện chí hàn gắn. Nay bà A đã kiên quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Bà A và ông L có 02 con chung tên Châu Thiên A1, sinh ngày 20/5/2021 và Châu Gia H, sinh ngày 22/12/2007. Bà A có yêu cầu trực tiếp nuôi, ông L không có ý kiến về vấn đề nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung tên Châu Thiên A1, sinh ngày 20/5/2021 cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cũng như ổn định môi trường sống của cháu. Ông L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được quyền cản trở.

Riêng con chung tên Châu Gia H, sinh ngày 22/12/2007, đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu Châu Thiên A1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Châu Thanh L.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Châu Thiên A1, sinh ngày 20/5/2021 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi. Ông Châu Thanh L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị A phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010220 ngày 22/5/2026 do Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu. Sau khấu trừ, bà A không phải nộp thêm án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 10 - Cần Thơ);
- UBND xã T, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa